

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/LĐ-ST

Ngày 27/12/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Xuân Thịnh
2. Bà Nguyễn Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-LĐ ngày 07/10/2022 về việc tranh chấp hợp đồng lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-LĐ ngày 25/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-LĐ ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T do ông Đặng Thái H- Chức vụ: Giám đốc đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là anh Trần Văn C trình bày:***

Trước khi vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T (Công ty TNHH T), anh làm việc tự do. Năm 2018, anh vào làm tại Công ty TNHH T, khi vào Công ty giữa anh và Công ty TNHH T không ký hợp đồng lao động, anh chỉ nộp hồ sơ là được Công ty TNHH T nhận vào làm việc. Cụ thể hợp đồng làm việc là làm theo tháng, thời gian làm việc 08 tiếng/ngày, tiền lương trả theo tháng. Công việc của anh là vận chuyển gạch vào lò đun, lương ban đầu của anh là 7.000.000 đồng, sau tăng dần lên theo từng năm. Từ khi vào làm tại công ty, tháng lương cao nhất của anh được nhận là 10.000.000 đồng. Hàng tháng nhận lương bằng tiền mặt, lương nhận từ ngày 15 đến ngày 25 hàng tháng.

Công ty TNHH T đã trả lương cho anh hết tháng 7/2020. Từ tháng 12/2020, anh không làm việc tại công ty nữa do Công ty TNHH T không trả lương những tháng trước đó. Từ tháng 8/2020 đến tháng 11/2020, Công ty TNHH T còn nợ anh tổng số lương là 28.450.140 đồng, cụ thể từng tháng như sau:

Tháng 8/2020, tiền lương của anh là 6.663.582 đồng;

Tháng 9/2020, tiền lương của anh là 7.516.332 đồng;

Tháng 10/2020, tiền lương của anh là 6.018.340 đồng;

Tháng 11/2020, tiền lương của anh là 8.251.886 đồng;

Trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH T anh có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH T. Tuy nhiên phía Công ty TNHH T đã đóng đầy đủ nên anh không có yêu cầu gì.

Nay anh yêu cầu Công ty TNHH T phải trả anh 4 tháng lương còn nợ là 28.450.140 đồng.

Việc Công ty TNHH T nợ lương của công nhân đã được Công đoàn cơ sở hòa giải nhưng không có kết quả, đến nay công ty còn hoạt động hay không anh không biết.

Ngoài ra, anh Trần Văn C không có yêu cầu nào khác.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho Công ty TNHH T, nhưng Công ty TNHH T không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc.

- Ngày 08/11/2022, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty TNHH T vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ngày 24/11/2022, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty TNHH T vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, Công ty TNHH T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 23, Điều 47 và Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012; điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T có trách nhiệm trả cho anh Trần Văn C số tiền lương còn nợ là 28.450.140 đồng.

Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là anh Trần Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là Công ty TNHH T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Công ty TNHH T có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 7 năm 2015 có trụ sở chính tại thôn Q, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh Trần Văn C yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán tiền lương còn nợ. Do vậy xác định đây là quan hệ tranh chấp tiền lương theo quy định tại điểm a, khoản 1 **Điều 32 Bộ luật tố tụng** dân sự.

[4] *Về áp dụng pháp luật:* Thời điểm các bên xác lập quan hệ lao động Bộ luật lao động năm 2012 có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Bộ luật lao động năm 2012 để giải quyết vụ án.

[5] *Về nội dung vụ án:*

Anh Trần Văn C đề nghị Toà án giải quyết buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T phải trả cho anh số tiền lương còn nợ là 28.450.140 đồng.

[6] *Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C thì thấy:*

Căn cứ vào tài liệu và lời khai mà nguyên đơn cung cấp. Có căn cứ để xác định anh C vào làm việc tại Công ty TNHH T từ năm 2018 nhưng giữa hai bên không ký hợp đồng lao động bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng là vi phạm quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 23 Bộ luật lao động 2012. Nhưng việc chấp dứt hợp đồng lao động giữa anh Trần Văn C và Công ty TNHH T không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại các bảng kê chi tiết tiền lương các tháng 8 tháng 9, tháng 10 và tháng 11 năm 2020 đã được Công ty TNHH T ban hành có nội dung công ty còn nợ anh C 4 tháng. Cụ thể: Tháng 8/2020 nợ tiền lương số tiền là 6.663.582 đồng; Tháng 9/2020 nợ tiền lương số tiền là 7.516.332 đồng; Tháng 10/2020 nợ tiền lương số tiền là 6.018.340 đồng; Tháng 11/2020 nợ tiền lương số tiền là 8.251.886 đồng. Phía Công ty TNHH T xác nhận còn nợ anh Trần Văn C 04 tháng tiền lương nêu trên là 28.450.140 đồng. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Trần Văn C đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T phải trả cho anh Trần Văn C tổng số tiền lương là 28.450.140 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn một trăm bốn mươi đồng chẵn*) là phù hợp với Điều 15 của Bộ luật lao động.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của anh Trần Văn C được chấp nhận, nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 853.500 đồng. Anh Trần Văn C được miễn án phí lao động sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 23, Điều 47 và Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012; điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T có trách nhiệm trả cho anh Trần Văn C số tiền lương còn nợ là 28.450.140 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn một trăm bốn mươi đồng chẵn*).

3. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T phải chịu 853.500 đồng án phí lao động sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

5. *Hướng dẫn thi hành án*: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh